

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính quý I năm 2022

Thực hiện công văn số 1958/UBND ngày 09 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ.

Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh (viết tắt: Ban quản lý) báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC:

- Trong quý I năm 2022, Ban quản lý đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-BQLKDL ngày 21/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 và Quyết định số 05/QĐ-BQLKDL ngày 21/01/2022 về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính của Ban quản lý khu du lịch bán đảo Cam Ranh giai đoạn 2021-2030.

- Phát huy kết quả CCHC năm 2021 đã đạt được, ngay từ đầu năm 2022, Cấp ủy cũng như lãnh đạo Ban luôn chú trọng công tác CCHC và xem đây là nhiệm vụ hàng đầu phải hoàn thành.

Thông qua các buổi sinh hoạt Chi bộ, họp giao ban, họp toàn cơ quan Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị thường xuyên quán triệt, đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện công tác CCHC đến toàn thể đảng viên, CBVC trong đơn vị. Từ đó mỗi đảng viên, CBVC trong đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, hoàn thành kế hoạch CCHC đã đề ra.

- Trọng tâm cải cách hành chính năm 2022 là tiếp tục thực hiện quyết liệt cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với siết chặt kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; đẩy mạnh các ứng dụng trực tuyến để hiện đại hóa quản lý, điều hành và phục vụ nhân dân; tăng cường hỗ trợ cho nhà đầu tư và doanh nghiệp; nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của Ban.

- Những thuận lợi và khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC:

+ Thuận lợi: được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp trên và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức Ban tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

+ Khó khăn: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp nên công tác chỉ đạo, điều hành đôi khi còn hạn chế.

2. Về kiểm tra cải cách hành chính:

- Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 của Ban sẽ được thực hiện trong quý II năm 2022.

3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC:

- Đầu năm 2022, Ban quản lý đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-BQLKDL ngày 24/02/2022 về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Cải cách thể chế:

Thực hiện rà soát các quy định, quy chế về tổ chức và hoạt động của đơn vị, Ban đã xây dựng Phương án tự chủ giai đoạn 2023 - 2027 gửi các cơ quan chức năng thẩm định.

Ban cũng thường xuyên thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật, để từ đó có những kiến nghị, đề xuất xử lý kịp thời.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Thực hiện niêm yết công khai các Quy trình theo tiêu chuẩn quản lý hệ thống chất lượng TVCN ISO 9001:2015 trên Bảng niêm yết tại đơn vị, website <https://bqlbdc.khanhhoa.gov.vn/HoSoISO>

- Công khai đường dây nóng tại văn phòng Ban quản lý và văn phòng tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- Trong năm 2021, Ban quản lý đã gửi Tờ trình số 583/TTr-BQLKDL ngày 06/10/2021 về việc Thẩm định đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu du lịch Bán đảo Cam Ranh. Ban quản lý vẫn đang chờ ý kiến phê duyệt của cấp trên, trên cơ sở đó Ban quản lý sẽ hoàn chỉnh Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Công tác theo dõi, quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời trên phần mềm PSC HRM theo kế hoạch của UBND tỉnh tạo thuận lợi cho việc quản lý hồ sơ.

- Đầu năm, Ban quản lý đã ban hành kế hoạch số 02/QĐ-BQLKDL ngày 10/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, công chức của Ban Quản lý Khu Du lịch Bán đảo Cam Ranh năm 2022.

5. Cải cách tài chính công:

- Ban quản lý là đơn vị sự nghiệp được ngân sách cấp theo cơ chế khoán chi hàng năm đảm bảo được nguồn chi lương cho cán bộ công chức, viên chức.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:

- Đến thời điểm hiện tại, Ban quản lý đã xây dựng và đang vận hành 20 quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 được công bố trên trang website, ngoài ra còn ứng dụng công nghệ thông tin để tin học hóa ISO điện tử một số quy trình trên web: <https://sites.google.com/view/isobqlkdlbdc> của Ban quản lý KDL bán đảo Cam Ranh.

- Việc sử dụng, quản lý các phần mềm như: PSC HRM, VNPT-BHXX, HTKK, KBNN... tạo nhiều thuận lợi trong giải quyết hồ sơ, giao dịch với các đơn vị có liên quan.

- Hiện tại, toàn bộ hoạt động xử lý văn bản đến và đi đều được thực hiện trên phần mềm E-office. Các tài khoản thư điện tử công vụ được cấp cho cán bộ công chức, viên chức và đơn vị phòng được thực hiện chủ yếu trong việc thông tin nhanh đến các nhà đầu tư trong dự án.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Ban quản lý là đơn vị sự nghiệp không có nguồn thu, kinh phí hoạt động đều do ngân sách cấp theo cơ chế khoán chi hàng năm và ngân sách không hỗ trợ để Ban quản lý thực hiện tin học hóa các quy trình ISO nên Ban không có kinh phí để thuê đơn vị tư vấn thực hiện. Trong khi đó, Ban cũng không có bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin. Được sự động viên, khuyến khích của lãnh đạo và lòng nhiệt huyết của toàn thể CBVC trong đơn vị đã chủ động nghiên cứu, học hỏi từng bước xây dựng hoàn chỉnh và ứng dụng CNTT các quy trình theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM:

1. Tiếp tục thực hiện kế hoạch số 04/QĐ-BQLKDL ngày 21/01/2022 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 và số 05/QĐ-BQLKDL ngày 21/01/2022 về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính của Ban quản lý khu du lịch bán đảo Cam Ranh giai đoạn 2021-2030.

2. Thực hiện công tác tuyên truyền về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy Ban.

3. Rà soát công tác quy hoạch cán bộ viên chức, thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo triệu tập của cấp trên, đảm bảo thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với cán bộ viên chức theo quy định hiện hành.

4. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác CCHC.

5. Xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2022.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Nơi nhận: (VBĐT):

- Sở Nội vụ tỉnh KH;
- Sở TT&TT tỉnh KH;
- Sở Tư pháp tỉnh KH;
- Sở Tài chính tỉnh KH;
- Sở KHĐT tỉnh KH;
- VP UBND tỉnh KH;
- Lưu VT, VP (Li).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Tùng Lâm

Phụ lục 2**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CCHC ĐỊNH KỲ**

(Ban hành kèm theo Công văn số /BQLKDL ngày / /2022 của BQLKDL Bán đảo Cam Ranh)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>) Quyết định số 04/QĐ-BQLKDL ngày 21/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022	Văn bản		- Sở Nội vụ báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
1.2.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%		- Sở Nội vụ báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	16	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
1.3.	Kiểm tra công tác CCHC			- Sở Nội vụ báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
1.3.1.	Số cơ quan, đơn vị, địa phương đã kiểm tra, trong đó:	Cơ quan, đơn vị, địa phương		
	- Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	- Số UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			Sở Nội vụ báo cáo
	- Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	Cơ quan, đơn vị, địa phương		
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
1.5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			- Văn phòng UBND tỉnh (VP.UBND tỉnh) báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao
	- Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
	- Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Không = 0 Có = 1		- Sở Nội vụ báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo (nếu có)
	- Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	- Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.7.	Tổ chức/tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư	Không = 0 Có = 1		- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại kế hoạch CCHC tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương khác (nếu có);

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh
2.	Cải cách thể chế			- Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
2.1.	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do tỉnh ban hành	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL do tỉnh ban hành, trong đó:	Văn bản		
	- Số VBQPPL do HĐND tỉnh ban hành	Văn bản		
	- Số VBQPPL do UBND tỉnh ban hành	Văn bản		
2.1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành, trong đó:	Văn bản		
	- Số VBQPPL do HĐND cấp huyện ban hành	Văn bản		
	- Số VBQPPL do UBND cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành, trong đó:	Văn bản		
	- Số VBQPPL do HĐND cấp xã ban hành	Văn bản		
	- Số VBQPPL do UBND cấp xã ban hành	Văn bản		
2.2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
	- Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
	- Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
	- Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
	- Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
2.3.	Rà soát VBQPPL			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
	- Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
	- Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
	- Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)			- VP UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.4.	Tổng số TTHC ngành/lĩnh vực đang có hiệu lực. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
	- Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
	- Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
3.1.5.	Tổng số TTHC của cơ quan ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Thủ tục		
	- Tiếp nhận trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa (Trung tâm DVHCCTTT)	Thủ tục		
	- Bộ phận Một cửa cấp huyện	Thủ tục		
	- Bộ phận Một cửa cấp xã	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Thống kê quy trình nội bộ (QTNB) giải quyết TTHC			- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo; - VP UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu của tỉnh
3.2.1.	Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh			
	- Số quyết định phê duyệt QTNB	<i>Quyết định</i>		
	- Số lượng QTNB được phê duyệt	<i>Quy trình</i>		
3.2.2.	Thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh			
	- Số quyết định phê duyệt QTNB	<i>Quyết định</i>		
	- Số lượng QTNB được phê duyệt	<i>Quy trình</i>		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục		- VP.UBND tỉnh báo cáo số liệu của tỉnh; - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	<i>Thủ tục</i>		
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	<i>Thủ tục</i>		
3.3.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		- VP.UBND tỉnh báo cáo số liệu của tỉnh; - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
3.4.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC			- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo - VP UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu của tỉnh
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Trong đó:	%		
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	<i>Hồ sơ</i>		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của UBND cấp huyện. Trong đó:	%		
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của UBND cấp xã. Trong đó:	%		UBND cấp huyện báo cáo
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư (cả 03 cấp). Trong đó:	%		- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - UBND cấp huyện báo cáo số liệu, kết quả thực hiện của huyện, xã
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đất đai	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực xây dựng	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trên lĩnh vực đầu tư	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn của cơ quan ngành dọc. Trong đó:	%		Cơ quan ngành dọc báo cáo
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	Hồ sơ		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.5.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC. Trong đó:	%		
	- Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN		
	- Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		
4.	Cải cách tổ chức bộ máy			- Sở Nội vụ tổng hợp báo; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		Sở Nội vụ báo cáo
4.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		Sở Nội vụ báo cáo
4.1.3.	Số lượng ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban		Sở Nội vụ báo cáo
4.1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		Sở Nội vụ báo cáo
4.1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) trên địa bàn tỉnh			Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh
	- Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Đơn vị		Sở Nội vụ báo cáo
	- Số ĐVSNNCL thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Đơn vị		Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		UBND cấp huyện báo cáo
	- Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				- UBND cấp huyện
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
	- Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
	- Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
	- Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	- Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
	- Tổng số người làm việc được giao	Người		
	- Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	- Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			- Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo số liệu của tỉnh; - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	- Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
	- Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm	Cơ quan,		Sở Nội vụ báo cáo

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	phát hiện qua thanh tra	đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Tuyển dụng công chức			
	- Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
	- Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		UBND cấp huyện báo cáo
5.2.2.	Tuyển dụng viên chức			Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
	- Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lũy kế từ đầu năm)			
	- Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền)			
	- Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		
6.	Cải cách tài chính công			- Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
	- Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	- Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2.	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL tại tỉnh (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1.	Tổng số ĐVSNCL tại tỉnh	Đơn vị		
6.2.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	- ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			- Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo;

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
7.3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
7.5.	Hệ thống Quản lý và điều hành văn bản (E-Office)			
7.5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó:			Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		
7.5.2.	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó:	Chứng thư số, chữ ký số		- Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo; - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- <i>Cấp tỉnh</i>	Chưa =0 Có = 1		
	- <i>Cấp huyện</i>	Chưa =0 Có = 1		
	- <i>Cấp xã</i>	Chưa =0 Có = 1		
7.5.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của tỉnh (<i>chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>). Trong đó:	%		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo
	- <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của sở, ngành cấp tỉnh</i>	%		
	- <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
	- <i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%		
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh			Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
7.7.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.7.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.7.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (Cổng DVCQG)	%		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
	- Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh	Thủ tục		
	- Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVCQG	Thủ tục		
7.7.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3, 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
7.7.5.	Tỷ lệ TTHC triển khai thanh toán trực tuyến	%		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
	- Số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
	- Số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch	Thủ tục		
7.7.6.	Tỷ lệ TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG	%		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
	- Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG	Thủ tục		
7.8.	Cung cấp dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu, kết quả của tỉnh; - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
7.8.1	Số TTHC đã triển khai thực hiện qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC triển khai tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
7.8.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI. Trong đó:	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Số hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
7.9.	Tin nhắn tự động thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	Tin nhắn		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo